

Số: 4911.../CV-TGD.26
V/v: Công bố thông tin về
tình hình tài chính

Hà Nội, ngày 13. tháng 08 năm 2026

Kính gửi: Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội

Căn cứ quy định tại Thông tư số 76/2024/TT-BTC ngày 06/11/2024 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ công bố thông tin và báo cáo về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế, Ngân hàng TMCP An Bình gửi nội dung công bố thông tin định kỳ về tình hình tài chính như sau:

1. Thông tin doanh nghiệp:

- Tên doanh nghiệp: NGÂN HÀNG TMCP AN BÌNH
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần: mã số 0301412222 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký lần đầu ngày 17/05/1993, Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần 29 ngày 28/06/2023.
- Giấy phép thành lập và hoạt động số 120/GP-NHNN ngày 12/12/2018 do Ngân hàng Nhà nước cấp và các văn bản sửa đổi bổ sung.
- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 1, 2, 3 Tòa nhà Geleximco, Số 36 Hoàng Cầu, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại: (84-28) 3 8244855 Fax: (84-28) 3 8244856
- Email: info@abbank.vn Website: www.abbank.vn
- Loại hình doanh nghiệp: Công ty đại chúng
- Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính: Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình thực hiện các hoạt động của loại hình ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật và của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- Mã số thuế: 0301412222

2. Tình hình tài chính:

- Kỳ báo cáo: Kỳ báo cáo 6 tháng đầu năm (từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026)
- Các chỉ tiêu tài chính cơ bản của doanh nghiệp trong kỳ báo cáo:

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Kỳ trước (30/06/2025)	Kỳ báo cáo (30/06/2026)
1	Vốn chủ sở hữu (triệu đồng)	15.373.082	22.597.210
1.1	Vốn điều lệ	10.350.368	13.972.087
1.2	Thặng dư vốn cổ phần	34.279	34.279
1.3	Quỹ dự trữ	1.288.588	1.741.302
1.4	Lợi nhuận chưa phân phối	3.468.764	6.849.542
1.5	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	-
1.6	Chênh lệch tỷ giá	230.089	-
2	Tổng nợ phải trả (Triệu đồng)	189.543.653	237.964.258
2.1	Tiền gửi và vay các TCTD khác	35.267.863	59.913.362
-	Tiền gửi của các TCTD khác	34.340.035	55.902.753
-	Vay các TCTD khác	927.828	4.010.609
2.2	Phát hành giấy tờ có giá	26.500.000	21.570.657

guy

STT	Chỉ tiêu	Kỳ trước (30/06/2025)	Kỳ báo cáo (30/06/2026)
-	Nợ vay từ phát hành chứng chỉ tiền gửi	12.300.000	16.170.657
-	Nợ vay từ phát hành trái phiếu	14.200.000	5.400.000
+	Trái phiếu chào bán riêng lẻ tại thị trường trong nước	14.200.000	5.400.000
+	Trái phiếu chào bán ra công chúng tại thị trường trong nước	-	-
+	Trái phiếu chào bán ra thị trường quốc tế	-	-
2.3	Các khoản nợ khác	127.775.790	156.480.239
-	Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước	9	8.106.690
-	Tiền gửi của khách hàng	123.056.541	142.256.010
-	Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	516.167	-
-	Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	5.817	1.972
-	Các khoản lãi, phí phải trả	2.539.959	4.212.681
-	Các khoản phải trả và công nợ khác	1.657.297	1.902.886
2.4	Nợ phải trả bằng ngoại tệ		
-	Nợ phải trả ngoại tệ - Quy đổi VND theo tỷ giá tại Báo cáo tài chính	11.830.345	14.764.859
-	Nợ phải trả ngoại tệ - Quy đổi VND theo tỷ giá bán của VCB (*)	11.938.266	14.851.517
	Chênh lệch (*)	(107.921)	(86.658)
3	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn (lần)		
3.1	Hệ số nợ phải trả/Tổng tài sản	0,92	0,91
3.2	Hệ số nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	12,33	10,53
4	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán (**)		
4.1	Tỷ lệ khả năng chi trả VNĐ trong 30 ngày	83,03%	78,36%
4.2	Tỷ lệ khả năng chi trả USD trong 30 ngày	Không áp dụng tỷ lệ do dòng tiền ra ròng âm	Không áp dụng tỷ lệ do dòng tiền ra ròng âm
5	Tổng dư nợ vay trái phiếu/Vốn chủ sở hữu (lần)	0,92	0,24
6	Lợi nhuận		
6.1	Lợi nhuận trước thuế (LNTT)	1.442.369	3.016.117
6.2	Lợi nhuận sau thuế (LNST) trong năm tài chính	1.150.922	2.412.184
7	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời (%)		
7.1	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	1,21%	2,01%
7.2	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	15,66%	24,55%
8	Các chỉ tiêu an toàn tài chính, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động theo quy định của pháp luật chuyên ngành	Chi tiết tại bảng tiếp theo.	

(*) Nợ phải trả bằng ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính soát xét được quy đổi theo tỷ giá bán của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ("VCB"). Mức chênh lệch sau khi điều chỉnh tỷ giá ngoại tệ không lớn và không ảnh hưởng tới các hệ số vay của Tổ Chức Phát Hành.

(**) Tỷ lệ khả năng chi trả trong ngành ngân hàng tuân thủ theo quy định của NHNN và có ý nghĩa tương đương với hệ số thanh toán nhanh

122 ghy

**CÁC CHỈ TIÊU AN TOÀN TÀI CHÍNH, TỶ LỆ BẢO ĐẢM AN TOÀN VỐN THEO QUY
ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT CHUYÊN NGÀNH ĐỐI VỚI NGÂN HÀNG**

STT	Chỉ tiêu	Quy định của NHNN	30/06/2025	30/06/2026
1	CAR	$\geq 8\%$	9,82% (Tuân thủ)	12,75% (Tuân thủ)
	Vốn cấp 1 (Triệu đồng)		15.236.757	22.593.433
	Vốn cấp 2 (Triệu đồng)		804.467	4.629.002
	Các khoản giảm trừ khỏi vốn (Triệu đồng)		55.934	205.934
	Tài sản có rủi ro (Triệu đồng)		162.703.230	213.452.099
2	LDR	$\leq 85\%$	62,82% (Tuân thủ)	61,23% (Tuân thủ)
	Tổng dư nợ cho vay (Triệu đồng)		115.328.396	136.600.910
	Tổng tiền gửi (Triệu đồng)		183.522.553	219.188.042
3	Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn sử dụng cho vay trung dài hạn	$\leq 30\%$	14,27% (Tuân thủ)	6,10% (Tuân thủ)
	Tổng nguồn vốn trung và dài hạn (Triệu đồng)		31.622.206	30.454.117
	Tổng dư nợ cho vay trung và dài hạn (Triệu đồng)		50.269.334	39.955.420
	Tổng nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung dài hạn (Triệu đồng)		130.685.499	155.811.492
4	Tỷ lệ mua, đầu tư trái phiếu chính phủ, trái phiếu được chính phủ bảo lãnh	$\leq 30\%$	7,09% (Tuân thủ)	6,63% (Tuân thủ)
	Tổng các khoản mua, đầu tư TPCP, TP được CP bảo lãnh (Triệu đồng)		12.529.017	15.069.755
	Tổng nợ phải trả bình quân của tháng liền kề trước đó (Triệu đồng)		176.773.741	227.215.352
5	Tỷ lệ dự trữ thanh khoản	$\geq 10\%$	26,43% (Tuân thủ)	22,19% (Tuân thủ)
	Tài sản thanh khoản cao (Triệu đồng)		49.828.738	50.931.486
	Tổng nợ phải trả (Triệu đồng)		188.553.523	229.504.998
6	Tỷ lệ khả năng chi trả VNĐ trong 30 ngày	$\geq 50\%$	83,03% (Tuân thủ)	78,36% (Tuân thủ)
7	Tỷ lệ khả năng chi trả USD trong 30 ngày	$\geq 10\%$	Không áp dụng tỷ lệ do dòng tiền ra ròng âm (Tuân thủ)	Không áp dụng tỷ lệ do dòng tiền ra ròng âm (Tuân thủ)
8	Giới hạn góp vốn, mua cổ phần	Thực hiện theo quy định	Tuân thủ	Tuân thủ
9	Hạn chế, giới hạn cấp tín dụng	Thực hiện theo quy định	Tuân thủ	Tuân thủ

4122
N HÂN
NG M
PHÂN
BÍN
PHỐ H

Nguyen

STT	Chỉ tiêu	Quy định của NHNN	30/06/2025	30/06/2026
10	Trạng thái ngoại tệ dương so với vốn tự có ("VTC")	$\leq 20\% $	0,06% (Tuân thủ)	0,57% (Tuân thủ)
11	Trạng thái ngoại tệ âm so với VTC	$\leq 20\% $	6,54% (Tuân thủ)	0,00% (Tuân thủ)
12	Trạng thái vàng so với VTC	$\leq 2\%$	Không áp dụng (**)	

(**) Trong giấy phép của ABBank không có hoạt động kinh doanh vàng.

3. Ý kiến của kiểm toán đối với báo cáo tài chính 06 tháng đã được soát xét bởi tổ chức kiểm toán đủ điều kiện:

- Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026 của ABBank được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst&Young Việt Nam là tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của đơn vị có lợi ích công chúng theo quy định của pháp luật và không phải là người có liên quan đối với ABBank theo quy định của Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn.
- Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026 là ý kiến chấp thuận toàn phần, cụ thể như sau: "*Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Ngân hàng tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, và kết quả hoạt động giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.*"

Chúng tôi cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung, tính chính xác của thông tin công bố nêu trên./.

gley

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh)

[Signature]

VŨ HẢI YẾN
GIÁM ĐỐC CAO CẤP
KINH DOANH THU NHẬP CÓ ĐỊNH

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
HOẶC NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN HOẶC NGƯỜI
ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



LẠI TÁT HÀ
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- SGDCK

- Lưu: HC; Khối NV&TTTC